

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN CAO SƠN - TKV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 01/NQ-TCS-ĐHĐCĐ

Cẩm Phả, ngày 26 tháng 04 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV**

*Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV ngày 26/04/2024.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo số 2661/BC-TCS-KH ngày 25/3/2024 của Giám đốc Công ty, về “kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024”

a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2023

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023	Tỷ lệ %	
			KH - NQ 01	KH ĐC		N/NQ 01	N/ĐC
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Bốc xúc đất đá	1000m <sup>3</sup>	59.780	46.948	46.908	78	100
2	Than sản xuất tổng số	1000tấn	5.620	4.500	4.675	83	104
-	Than nguyên khai	"	4.420	3.200	3.201	72	100
-	Than sạch từ SPNT	"	1.200	1.300	1.474	123	113
3	Than tiêu thụ	1000tấn	5.561	4.448	4.636	83	104
4	Doanh thu than	Tỷ đồng	9.838	7.300	7.404	75	101
5	Tiền lương	Tr.đ/ng/thg	11,013	15,009	15,492	141	103
6	Lợi nhuận	Tỷ đồng	143,944	143,944	351,7	244,3	244,3
7	Cổ tức	%	7				

\* Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2023

TT	Chỉ tiêu	KH 2023 đầu năm (tr.đ)	KH 2023 (KHĐC) (tr.đ)	TH năm 2023 (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
----	----------	------------------------	-----------------------	--------------------	-----------

TT	Chỉ tiêu	KH 2023 đầu năm (tr.đ)	KH 2023 (KHĐC) (tr.đ)	TH năm 2023 (tr.đ)	Tỉ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Tổng số (I+II+III)</b>	<b>517.734</b>	<b>321.393</b>	<b>178.794</b>	<b>55,6</b>
-	<i>Trong đó</i>				
<b>I</b>	<b>Trả nợ khối lượng năm trước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng				
2	Thiết bị				
3	Chi phí tư vấn, chi phí khác				
<b>II</b>	<b>Kế hoạch năm 2023</b>	<b>436.395</b>	<b>321.393</b>	<b>178.794</b>	<b>55,6</b>
1	Xây dựng	90.752	23.147	15.016	67,8
2	Thiết bị	309.280	280.444	153.251	54,6
3	Chi phí tư vấn, chi phí khác	36.363	17.801	10.527	59,1
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>81.339</b>			
1	Xây dựng	5.042			
2	Thiết bị	76.155			
3	Chi phí tư vấn, chi phí khác	142			
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>517.734</b>	<b>321.393</b>	<b>178.794</b>	
1	Vốn vay TM	388.706	227.257	93.500	
2	Vốn ĐTPT của Vinacomin	0	0	0	
3	Vốn chủ sở hữu (Vốn KHVS)	129.028	94.136	71.239	

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

\* Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Đất đá bóc xúc (đất CBSX)	1000 m3	59.780	
2	Than Khai Thác	1000 tấn	5.620	
+	Than nguyên khai	"	4.420	
+	Than sạch từ ĐDLT	"	1.200	
3	Than tiêu thụ	1000 tấn	5.561	
4	Doanh thu than	Tỷ đồng	9.838	
5	Tiền lương bình quân (tr đ/ng/th)	Tr đ	11,013	
6	Lợi nhuận than	Tỷ đồng	143,944	
7	Dự kiến cổ tức	%	≥ 7	
8	Kế hoạch đầu tư	Tỷ đồng	501,8	

\* Kế hoạch đầu tư năm 2024

TT	Nội dung	Giá trị (tr.đ)	Ghi chú
1	Giá trị KHĐT	565.812	
	- Xây dựng	43.722	
	- Thiết bị	489.718	
	- Chi phí tư vấn, chi phí khác	32.372	

2	Nguồn vốn thực hiện	565.812	
	- Nguồn vốn vay thương mại	399.065	
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	166.747	

c. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 khi điều kiện thực tế có sự thay đổi nhưng phải tuân thủ pháp luật và điều lệ Công ty, đảm bảo lợi nhuận kế hoạch đề ra.

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo số 2691/BC-TCS-HĐQT ngày 25/3/2024 của HĐQT, về hoạt động năm 2023, phương hướng năm 2024;

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo số 04/BC-TCS-BKS ngày 25/3/2024 của Ban kiểm soát, Báo cáo của BKS về đánh giá hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty, Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023;

**Điều 4:** Thông qua Tờ trình số 2692/TTr-TCS-HĐQT ngày 25/3/2024 của HĐQT, V/v báo cáo các hợp đồng, giao dịch năm 2023 và đề xuất thông qua các hợp đồng, giao dịch năm 2024.

**Điều 5:** Thông qua Tờ trình số 2693/TTr-TCS-KT ngày 25/3/2024 của Giám đốc Công ty, V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

**Điều 6:** Thông qua Tờ trình số 2694/TTr-TCS-HĐQT ngày 25/3/2024 của HĐQT, V/v Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2023 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	404.737.630.393	
	Trong đó: - LN năm trước chuyển sang	Đồng	124.282.817.205	
	- LN năm nay	Đồng	280.454.813.188	
2	Phương án trả cổ tức năm 2023			
-	Tỷ lệ trả cổ tức	%	30	
-	Số tiền trả cổ tức	Đồng	128.540.319.000	
3	Lợi nhuận còn lại	Đồng	276.197.311.393	
-	Trích quỹ đầu tư phát triển (15% LNST năm 2023)	Đồng	42.068.221.978	
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,5 tháng lương)	Đồng	77.265.000.000	
	<i>Trích quỹ khen thưởng (70%)</i>	Đồng	54.085.500.000	
	<i>Trích quỹ phúc lợi (30%)</i>	Đồng	23.179.500.000	
-	Trích quỹ thưởng Người quản lý Doanh nghiệp (1 tháng lương NQL)	Đồng	314.568.000	
4	Lợi nhuận năm 2023 để lại chưa phân phối	Đồng	156.549.521.415	

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước chuyển sang là 124.282.817.205 đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 280.454.813.188 đồng. Tuy nhiên năm 2024 dự

báo tình hình SXKD khó khăn do tình hình chính trị trên thế giới nên lợi nhuận năm 2024 khó có thể đạt kế hoạch đề ra. Vì vậy, Công ty dự kiến để lại lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 là 156.549.521.415 đồng. Lợi nhuận phân phối năm 2023 là 248.188.108.978 đồng được phân phối theo quy định.

**Điều 7:** Thông qua Tờ trình số 2695/TTr-TCS-HĐQT ngày 25/3/2024 của HĐQT, V/v Báo cáo chi trả thù lao, tiền lương đối với thành viên HĐQT, BKS và người quản lý khác của Công ty năm 2023 và Đề xuất mức chi trả thù lao, tiền lương đối với thành viên HĐQT, BKS và người quản lý khác của Công ty năm 2024, nội dung như sau.

1. Báo cáo chi trả thù lao, tiền lương đối với thành viên HĐQT, BKS và người quản lý khác của Công ty năm 2023:

*ĐVT: 1000 đồng*

T.T	Chức danh	Số người	Lương		Thù lao		Ghi chú
			Người	Tiền	Người	Tiền	
1	Hội đồng quản trị	05			05	271.920	
2	Ban kiểm soát	05	02	448.032	05	265.200	
3	Người quản lý khác	07	07	3.774.816			
	<b>Cộng</b>			<b>4.222.848</b>		<b>537.120</b>	

2. Đề xuất mức chi trả thù lao, tiền lương đối với thành viên HĐQT, BKS và người quản lý khác của Công ty năm 2024:

Căn cứ Điều 6, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền lương đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nghị định số 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 về việc ban hành hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV; Theo đó mức tiền lương của Người quản lý doanh nghiệp của Công ty được xếp vào (nhóm II-hạng I) trong bảng Phụ lục 04 của Quyết định. Theo đó mức tiền thù lao cho thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm sẽ được quyết toán và hưởng tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của chức danh quản lý chuyên trách. Mức tiền lương thực hiện của Ủy viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách được quyết toán căn cứ vào kết quả SXKD của Công ty;

Căn cứ công văn số 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023 của Tập đoàn về việc thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2024 và Căn cứ mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2023 của Người quản lý và các chỉ tiêu lợi nhuận, năng suất lao động kế hoạch của năm 2024 so với thực hiện năm 2023;

Do vậy Giám đốc Công ty đề xuất mức tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 của các chức danh Người quản lý Công ty, tiền thù lao và phụ cấp cho HĐQT, BKS năm 2024 của Công ty, cụ thể như sau:

a) Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm:

TT	Chức danh	Mức lương hạng I nhóm II (đ/người/tháng)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	$25.700.000 \times 1 \times 20\% = 5.140.000$
2	Ủy viên HĐQT	21.900.000	$21.900.000 \times 1 \times 20\% = 4.380.000$
3	Trưởng BKS	22.900.000	$22.900.000 \times 1 \times 20\% = 4.580.000$
4	Ủy viên BKS	21.900.000	$21.900.000 \times 1 \times 20\% = 4.380.000$

b) Mức Tiền lương của ủy viên BKS và Người quản lý khác Công ty:

TT	Chức danh	Số lượng (ngườ i)	TLBQ 1 tháng TH năm 2023 (1000đ)	TL KH 1 tháng năm 2024 (1000đ)	Quỹ lương KH năm 2024 (1000đ)
1	Giám đốc	1	50.388	41.990	503.880
2	Phó giám đốc	5	223.380	186.150	2.233.800
3	Kế toán trưởng	1	40.800	34.000	408.000
4	Ủy viên BKS	2	37.336	27.828	333.936
	Tổng cộng	9	351.904	289.968	3.479.616

Nguồn tiền thù lao của HĐQT, BKS được hạch toán vào chi phí SXKD doanh năm 2024. Nguồn tiền lương được hạch toán quỹ tiền lương theo quy định.

### 3. Phương thức chi trả:

Hàng tháng các thành viên HĐQT, người quản lý khác Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng đó; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

**Điều 7:** Thông qua tờ trình số 05/TTr-TCS-BKS ngày 25/3/2024 của Ban Kiểm soát Công ty, việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2024 như sau:

#### 1. Tiêu thức lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022, 2023.

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với Công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ kiểm toán;

#### 2. Đề xuất danh sách lựa chọn công ty kiểm toán:

- Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Đại hội đồng cổ đông thông qua các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán như nêu trên và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách đề xuất nêu trên, đảm bảo đúng theo quy định.

**Điều 8:** Thông qua Tờ trình số 2696/TTr-TCS-HĐQT ngày 25/3/2024 của HĐQT, kèm theo phương án số 470/PA-TCS-KT ngày 15/01/2024 của Giám đốc Công ty, về Phương án tăng vốn điều lệ từ Quỹ đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn Chủ sở hữu của Công ty.

**Điều 10:** Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV đã được tiến hành công khai, minh bạch đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty hiện hành. Hội đồng quản trị căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện đảm bảo lợi ích của Công ty, của các cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV năm 2024 biểu quyết thông qua ngày 26/04/2024.

**Nơi nhận:**

- Đăng công khai trên website Công ty;
- UBCKNN (thay b/c);
- Sở GDCKHN (thay b/c);
- Lưu VT, VPHĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Vũ Văn Khấn  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**